

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 4 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Ngọc Báu và bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà La Thị Huệ - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt;

- Bị đơn: Anh Nông Đình T, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 18, phân trại số A, Trại giam Q. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Triệu Thị Dăm. Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/11/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày: Chị và anh Nông Đình T kết hôn năm 2011 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/10/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Được hai bên gia đình nhất trí tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, sau đó cả hai sống chung tại nhà của anh T tại xóm B, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau một con

chung tên là Nông Đình Đ, sinh ngày 27/7/2008. Hiện nay con đang sống cùng chị V và mẹ đẻ anh T. Đến năm 2022 chồng chị mua bán trái phép chất ma túy bị bắt, hiện đang trong thời gian chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam Q. Chị xác định không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này nữa. Mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Nông Đình T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng từ anh T. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có xác nhận của Trại giam, bị đơn Nông Đình T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con chung, nợ chung như chị V trình bày là đúng. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh T cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng do anh đang chấp hành án phạt tù, nay chị V làm đơn yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T hoàn toàn nhất trí. Đồng thời, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025 bà Triệu Thị Đ1 (mẹ đẻ anh T) xác nhận hiện nay con trai bà đang đi chấp hành án phạt tù ở trại giam Quảng Ninh. Con chung của V và T là cháu Nông Đình Đ đang do bà nuôi dưỡng. Nếu hai vợ chồng L thì bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Đ và yêu cầu chị V cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ. Đồng thời do tuổi cao sức yếu bà đề nghị Tòa xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, chị V trình bày: Chị và anh Tương tự D tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau anh T có sử dụng ma túy, nhiều lần đòi tiền không có thì anh đánh đập chị. Đến năm 2022 anh T bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án. Vì vậy chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của các bên đương sự xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V được ly hôn với anh Nông Đình T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nông Đình Đ, sinh ngày 27/7/2008 cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T có có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Nông Đình T có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Nông Đình T hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K có mặt tại Tòa, anh T và bà Đ1 có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Hà Thị V yêu cầu ly hôn anh Nông Đình T, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị V và anh Nông Đình T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả anh T, chị V đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định của luật. Việc đăng ký thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị V và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay, đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Xét thấy việc anh T không chịu tu chí làm ăn, lười

lao động và đặc biệt là sử dụng mua bán trái phép chất ma túy, vi phạm pháp luật là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Mặt khác tại bản tự khai thì anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị V. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị V và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị V và anh T có 01 con chung là Nông Đình Đ, sinh ngày 27/7/2008. Sau khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Đ1 (Mẹ đẻ anh T) có đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đ sau khi anh T và chị V ly hôn và yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Khi được hỏi ý kiến thì cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với bố. Tuy nhiên hiện nay, anh T đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong Trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Tuy hiện nay bà Đ1 đang nuôi cháu Đ nhưng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Theo đó, khi hai vợ chồng ly hôn, người trực tiếp nuôi con là một trong hai bên vợ hoặc chồng. Nếu bố mẹ của cháu không còn mới xem xét đến hàng thừa kế khác để nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Đ1 về việc được tiếp tục nuôi con chung của chị V và anh T. Vì vậy, cần giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị V không yêu cầu là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị V được ly hôn anh Nông Đình T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nông Đình Đ, sinh ngày 27/7/2008 cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo Bản án, bà Đ1 có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng